TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**
**TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2026**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐỢT 3 NĂM 2026

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Chuyên ngành đăng ký | Mã ngành | Kết quả xét tuyển | | | | | Kết quả xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Văn bằng đại học, thạc sĩ | Ngoại ngữ | Nghiên cứu khoa học | Đề cương | Kết quả bảo vệ đề cương | |
| 1 | TRẦN THIÊN ÂN | 29/05/2001 | Nam | Đại số và lý thuyết số | 9460104 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 2 | MAI NGUYỄN MINH HOÀNG | 21/05/1997 | Nam | Toán học | 9460101 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 3 | DƯƠNG THANH LINH | 14/06/1995 | Nam | Hệ thống thông tin | 9480104 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 4 | PHẠM THỊ MINH TRANG | 22/04/1984 | Nữ | Hệ thống thông tin | 9480104 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Không đạt | Thí sinh **không đủ** điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 5 | PHAN XUÂN THỌ | 01/10/1988 | Nam | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Tin học) | 9140111 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 6 | ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG | 01/01/1981 | Nam | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Tin học) | 9140111 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 7 | ĐẶNG THỊ MỸ HUỆ | 16/02/1988 | Nữ | Hóa hữu cơ | 9440114 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 8 | LÊ THÙY NHI | 13/03/1995 | Nữ | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Vật lý) | 9140111 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 9 | LÊ THANH THẾ | 22/09/1978 | Nam | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Vật lý) | 9140111 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 10 | LƯƠNG VĂN THỌ | 10/06/1978 | Nam | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | 9850101 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 11 | LÊ THỊ LOAN | 03/09/1991 | Nữ | Tâm lý học | 9310401 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 12 | NÔNG THỊ HƯƠNG LÝ | 16/04/1989 | Nữ | Tâm lý học | 9310401 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Chuyên ngành đăng ký | Mã ngành | Kết quả xét tuyển | | | | | Kết quả xét tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Văn bằng đại học, thạc sĩ | Ngoại ngữ | Nghiên cứu khoa học | Đề cương | Kết quả bảo vệ đề cương | |
| 13 | NGUYỄN THỤY THÙY DƯƠNG | 18/01/1986 | Nữ | Ngôn ngữ học | 9229020 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |
| 14 | NGUYỄN THÀNH TÍN | 25/07/2001 | Nam | Ngôn ngữ học | 9229020 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Thí sinh đủ điều kiện trở thành NCS của Trường ĐHSP-ĐHĐN |

*Danh sách này có 14 thí sinh./.*